

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 19,20,21/6/2020

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
1	CNTT01	Nguyễn Thị Loan	27/02/1991	Thái Bình	Nữ	Kinh	6.5	7.0	Đạt	
2	CNTT02	Ngô Văn Cầu	01/04/1970	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.5	Đạt	
3	CNTT03	Hà Phương Dung	13/11/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	6.5	Đạt	
4	CNTT04	Bùi Thị Duyên	13/10/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	7.5	Đạt	
5	CNTT05	Hoàng Thị Định	25/05/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	7.0	Đạt	
6	CNTT06	Nguyễn Thị Giang	19/07/1997	Bắc Giang	Nữ	Tày	7.0	7.0	Đạt	
7	CNTT07	Hoàng Thị Hạnh	10/08/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	6.5	Đạt	
8	CNTT08	Nguyễn Thị Hạnh	16/08/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	7.0	Đạt	
9	CNTT09	Vũ Thị Hạnh	09/09/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
10	CNTT10	Nguyễn Thị Hằng	16/03/1994	Bắc Giang	Nữ	Tày	6.5	6.5	Đạt	
11	CNTT11	Nguyễn Thị Hậu	23/03/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	7.5	Đạt	
12	CNTT12	Nông Thị Hiền	29/12/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	6.5	Đạt	
13	CNTT13	Thân Thị Thu Hiền	14/11/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	6.5	Đạt	
14	CNTT14	Lê Thị Hòa	16/02/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	7.5	Đạt	
15	CNTT15	Nguyễn Thị Huyền	21/06/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	6.5	Đạt	
16	CNTT16	Giáp Văn Hưng	14/04/1977	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.5	Đạt	
17	CNTT17	Nguyễn Thị Thu Hương	06/01/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	7.0	Đạt	
18	CNTT18	Nguyễn Thị Kiều	26/10/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.0	7.5	Đạt	
19	CNTT19	Nguyễn Thị Lâm	13/08/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	7.0	Đạt	
20	CNTT20	Vũ Hồng Minh	14/09/1989	Lào Cai	Nữ	Kinh	8.5	6.5	Đạt	
21	CNTT21	Thân Thị Mỹ	29/04/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
22	CNTT22	Lê Thị Nhân	29/07/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.0	7.5	Đạt	
23	CNTT23	Hà Kiều Oanh	02/01/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	7.0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
24	CNTT24	Chu Thị Quyên	01/01/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	7.0	Đạt	
25	CNTT25	Thân Thị Quỳnh	22/09/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.0	6.5	Đạt	
26	CNTT26	Đỗ Quang Sinh	16/10/1978	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	7.0	Đạt	
27	CNTT27	Tạ Văn Sơn	10/10/1995	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	6.5	Đạt	
28	CNTT28	Nguyễn Việt Thành	13/10/1986	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	7.5	Đạt	
29	CNTT29	Khúc Thị Phương Thảo	21/11/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	6.5	Đạt	
30	CNTT30	Lê Minh Thiện	27/02/1985	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.7	6.5	Đạt	
31	CNTT31	Vi Thị Thơ	09/08/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	7.5	Đạt	
32	CNTT32	Nguyễn Thị Thu	20/10/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	7.0	Đạt	
33	CNTT33	Nguyễn Thị Thu	15/09/1985	Nghệ An	Nữ	Kinh	7.5	7.0	Đạt	
34	CNTT34	Nguyễn Thị Thủy Tiên	20/11/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	7.0	Đạt	
35	CNTT35	Trịnh Huyền Trang	09/07/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	6.5	Đạt	
36	CNTT36	Bùi Đình Tuấn	17/08/1984	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.2	7.0	Đạt	
37	CNTT37	Hoàng Thị Tùng	25/01/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	6.5	Đạt	
38	CNTT38	Trần Thị Hồng Vân	06/06/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
39	CNTT39	Hoàng Xuân An	18/12/1969	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	7.0	Đạt	
40	CNTT40	Nguyễn Song Ánh	15/05/1989	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.7	7.0	Đạt	
41	CNTT41	Nguyễn Thị Bích	08/07/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	6.0	Đạt	
42	CNTT42	Nguyễn Thị Bích	07/08/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
43	CNTT43	Trần Văn Cấn	11/11/1994	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	6.0	Đạt	
44	CNTT44	Bùi Thị Chinh	04/11/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	5.5	Đạt	
45	CNTT45	Nguyễn Thị Chinh	28/03/1984	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.7	6.5	Đạt	
46	CNTT46	Nguyễn Thị Chúc	21/05/1990	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
47	CNTT47	Lê Thị Hoàng Cúc	09/07/1988	Hải Dương	Nữ	Kinh	6.5	5.5	Đạt	
48	CNTT48	Trần Văn Đăng	10/06/1990	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	8.0	Đạt	
49	CNTT49	Hoàng Thị Hà	17/04/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	5.5	Đạt	
50	CNTT50	Vũ Thị Hằng	15/05/1996	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.7	6.0	Đạt	
51	CNTT51	Ngô Thị Thu Hiền	12/12/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	6.5	Đạt	
52	CNTT52	Nguyễn Văn Hiền	06/08/1961	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	6.5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
53	CNTT53	Đỗ Đình Hiệp	22/04/1962	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5.5	5.5	Đạt	
54	CNTT54	Trịnh Thị Hoan	26/02/1997	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.7	5.5	Đạt	
55	CNTT55	Lê Văn Hồi	13/01/1970	Nam Định	Nam	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
56	CNTT56	Nguyễn Thị Huyền	15/07/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.7	6.5	Đạt	
57	CNTT57	Dương Minh Hưng	29/11/1989	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	7.5	Đạt	
58	CNTT58	Chu Thị Hương	05/01/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
59	CNTT59	Trần Văn Khánh	10/09/1977	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.2	7.0	Đạt	
60	CNTT60	Trần Đình Lanh	28/09/1985	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.5	7.5	Đạt	
61	CNTT61	Nguyễn Thị Cẩm Linh	05/01/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.7	6.5	Đạt	
62	CNTT62	Bùi Thị Loan	03/08/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	6.5	Đạt	
63	CNTT63	Đỗ Thị Phương Loan	01/01/1985	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.7	5.5	Đạt	
64	CNTT64	Nguyễn Thị Lý	20/09/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.5	7.0	Đạt	
65	CNTT65	Nguyễn Thị Mai	23/04/1983	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.5	6.0	Đạt	
66	CNTT66	Nguyễn Thị Minh	22/01/1984	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.0	6.0	Đạt	
67	CNTT67	Nguyễn Thị Mừng	15/01/1985	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.7	6.0	Đạt	
68	CNTT68	Trần Thị Nga	10/06/1990	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.7	6.5	Đạt	
69	CNTT69	Nguyễn Văn Nhật	27/05/1986	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.7	6.5	Đạt	
70	CNTT70	Phạm Văn Nhuận	04/01/1965	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8.0	6.5	Đạt	
71	CNTT71	Ngô Thị Ngọc Oanh	30/05/1989	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.0	6.0	Đạt	
72	CNTT72	Nguyễn Thị Oanh	28/06/1996	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	7.5	6.0	Đạt	
73	CNTT73	Nguyễn Thị Phương	02/10/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.2	8.0	Đạt	
74	CNTT74	Hoàng Thị Quỳnh	03/09/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.7	6.5	Đạt	
75	CNTT75	Hà Thái Sơn	09/12/1994	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.7	7.0	Đạt	
76	CNTT76	Nguyễn Anh Sơn	29/01/1985	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8.2	6.5	Đạt	
77	CNTT77	Hoàng Thị Thanh	24/02/1999	Lạng Sơn	Nữ	Sán Chí	6.5	6.0	Đạt	
78	CNTT78	Nguyễn Thế Thắng	29/08/1986	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	6.0	Đạt	
79	CNTT79	Trần Văn Thắng	06/12/1985	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	6.0	Đạt	
80	CNTT80	Nguyễn Thị Thoa	12/03/1986	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.7	6.5	Đạt	
81	CNTT81	Trần Thị Thơ	09/10/1986	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
82	CNTT82	Nguyễn Thị Thùy	26/06/1980	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.0	6.0	Đạt	
83	CNTT83	Nguyễn Thị Huyền Thương	04/11/1982	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8.5	7.5	Đạt	
84	CNTT84	Nguyễn Thị Tình	19/07/1991	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.5	6.0	Đạt	
85	CNTT85	Dương Thị Huyền Trang	01/05/1989	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.2	6.0	Đạt	
86	CNTT86	Nguyễn Thị Trang	19/04/1985	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.5	6.5	Đạt	
87	CNTT87	Lê Minh Tuấn	26/10/1983	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	6.5	Đạt	
88	CNTT88	Nguyễn Đăng Tùng	03/02/1991	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8.5	7.5	Đạt	
89	CNTT89	Nguyễn Văn Tý	06/04/1984	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.0	7.0	Đạt	
90	CNTT90	Trần Thị Vân	09/12/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.2	6.5	Đạt	
91	CNTT91	Nguyễn Thị Yên	09/10/1983	Yên Bái	Nữ	Kinh	8.2	7.0	Đạt	
92	CNTT92	Trần Hải Yên	19/11/1975	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.5	5.5	Đạt	
93	CNTT93	Triệu Văn An	13/06/2001	Lạng Sơn	Nam	Dao	5.2	5.0	Đạt	
94	CNTT94	Hoàng Việt Anh	10/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	5.5	Đạt	
95	CNTT95	Mỗ Văn Anh	15/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5.0	6.0	Đạt	
96	CNTT96	Nông Thanh Ân	30/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.5	5.0	Đạt	
97	CNTT97	Hoàng Gia Bảo	14/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.2	5.5	Đạt	
98	CNTT98	Hoàng Quốc Bảo	04/06/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	6.0	Đạt	
99	CNTT99	Lương Xuân Bắc	11/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.5	6.0	Đạt	
100	CNTT100	Ma Hoàng Bằng	25/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.7	5.5	Đạt	
101	CNTT101	Chu Bảo Chấn	24/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	5.5	Đạt	
102	CNTT102	Chu Văn Chiêu	15/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	5.0	Đạt	
103	CNTT103	Nông Thị Chiêu	17/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5.7	6.0	Đạt	
104	CNTT104	Lương Văn Cường	23/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.0	5.5	Đạt	
105	CNTT105	Ma Quốc Cường	05/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.0	5.5	Đạt	
106	CNTT106	Triệu Quốc Cường	08/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	5.0	5.5	Đạt	
107	CNTT107	Phương Trung Du	14/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.0	5.5	Đạt	
108	CNTT108	Bê Văn Dũng	19/05/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.2	5.0	Đạt	
109	CNTT109	Phạm Hùng Dũng	27/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5.7	5.5	Đạt	
110	CNTT110	Vũ Văn Dũng	02/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Dao	5.0	5.5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
111	CNTT111	Đinh Hoàng Duy	22/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.5	6.0	Đạt	
112	CNTT112	Nguyễn Hoàng Duy	10/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.7	6.0	Đạt	
113	CNTT113	Nông Khánh Duy	03/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.2	5.5	Đạt	
114	CNTT114	Nông Mạnh Duy	17/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.2	5.0	Đạt	
115	CNTT115	Nông Văn Duy	06/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	5.5	Đạt	
116	CNTT116	Hoàng Đại Dương	13/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.2	5.5	Đạt	
117	CNTT117	Mông Thị Thùy Dương	11/04/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5.7	5.5	Đạt	
118	CNTT118	Dương Công Đá	12/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.2	6.5	Đạt	
119	CNTT119	Cung Quốc Đạt	20/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	5.5	Đạt	
120	CNTT120	Mộ Tuấn Đạt	28/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	5.0	Đạt	
121	CNTT121	Trần Tiến Đạt	13/12/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	5.5	Đạt	
122	CNTT122	Nông Trung Đoàn	02/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.0	5.0	Đạt	
123	CNTT123	Hoàng Văn Đới	06/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.2	5.5	Đạt	
124	CNTT124	Phan Minh Đức	18/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.2	5.5	Đạt	
125	CNTT125	Bế Thị Giang	21/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	nùng	5.5	5.0	Đạt	
126	CNTT126	Bế Hoàng Hải	17/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.5	5.0	Đạt	
127	CNTT127	Nông Xuân Hanh	08/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.2	5.5	Đạt	
128	CNTT128	Đinh Mạnh Hào	05/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.2	5.5	Đạt	
129	CNTT129	Lâm Mạnh Hiền	09/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.7	5.0	Đạt	
130	CNTT130	Chu Thị Minh Hiền	09/05/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5.2	5.0	Đạt	
131	CNTT131	Hà Thu Hiền	08/06/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5.7	5.5	Đạt	
132	CNTT132	Nông Minh Hiền	10/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.5	5.0	Đạt	
133	CNTT133	Nông Quang Hiệp	26/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.2	5.5	Đạt	
134	CNTT134	Nông Minh Hiếu	07/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.5	5.5	Đạt	
135	CNTT135	Bế Văn Hóa	23/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.0	6.0	Đạt	
136	CNTT136	Nông Đức Hoan	22/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.0	6.0	Đạt	
137	CNTT137	Chu Huy Hoàng	25/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.7	5.5	Đạt	
138	CNTT138	La Huy Hoàng	09/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.5	6.0	Đạt	
139	CNTT139	Nông Ngọc Hoàng	27/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.0	5.0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
140	CNTT140	Vương Ngọc	Hoàng	18/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.0	6.0	Đạt	
141	CNTT141	Nông Thị	Hồng	16/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5.7	7.0	Đạt	
142	CNTT142	Mùi Thị	Hội	14/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.0	6.5	Đạt	
143	CNTT143	Nguyễn Công	Huân	17/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.0	6.5	Đạt	
144	CNTT144	Phương Ngọc	Huân	23/09/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.0	7.5	Đạt	
145	CNTT145	Triệu Văn	Huế	29/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Dao	5.0	7.0	Đạt	
146	CNTT146	Lương Thị	Huệ	08/06/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5.7	7.0	Đạt	
147	CNTT147	Nguyễn Đức	Hùng	15/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.2	6.5	Đạt	
148	CNTT148	Đàm Quốc	Huy	18/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	5.0	Đạt	
149	CNTT149	Bế Khánh	Huyền	25/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5.7	5.0	Đạt	
150	CNTT150	Long Hải	Hung	20/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.2	6.0	Đạt	
151	CNTT151	Lương Văn	Hung	15/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	5.5	Đạt	
152	CNTT152	Đường Bích	Hường	15/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5.5	6.0	Đạt	
153	CNTT153	Nông Văn	Khải	15/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.2	5.5	Đạt	
154	CNTT154	Đàm Tuấn	Khanh	26/08/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.2	5.5	Đạt	
155	CNTT155	Lâm Văn	Khanh	21/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	5.5	Đạt	
156	CNTT156	Hoàng Văn	Khánh	03/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.0	5.0	Đạt	
157	CNTT157	Bế Văn	Khiêm	21/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.2	6.0	Đạt	
158	CNTT158	Đàm Văn	Khuyến	28/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.0	5.5	Đạt	
159	CNTT159	Dương Trung	Kiên	11/03/2003	Lạng Sơn	Nam	HMông	5.5	6.0	Đạt	
160	CNTT160	Lương Văn	Kiệt	30/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.0	6.0	Đạt	
161	CNTT161	Lục Cao	Kỳ	27/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	6.0	Đạt	
162	CNTT162	Vương Thị Nhật	Lệ	26/06/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5.5	5.5	Đạt	
163	CNTT163	Hà Thị	Liên	27/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5.7	6.0	Đạt	
164	CNTT164	Chu Ngọc	Linh	23/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5.2	6.0	Đạt	
165	CNTT165	Nguyễn Khánh	Linh	07/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5.2	5.5	Đạt	
166	CNTT166	Nguyễn Thùy	Linh	04/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5.0	5.5	Đạt	
167	CNTT167	Hoàng Đức	Long	03/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.0	6.0	Đạt	
168	CNTT168	Trần Văn	Lợi	29/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	-	-	-	Bỏ thi

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
169	CNTT169	Đoàn Nghị Lực	17/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.0	5.5	Đạt	
170	CNTT170	Tô Thị Khánh Ly	09/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5.2	6.5	Đạt	
171	CNTT171	Bế Văn Mạnh	05/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	5.5	Đạt	
172	CNTT172	Lương Văn Mạnh	31/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	5.5	Đạt	
173	CNTT173	Chu Thị Lan Anh	29/10/1973	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.0	7.0	Đạt	
174	CNTT174	Nguyễn Thị Vân Anh	17/04/1998	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	7.0	7.0	Đạt	
175	CNTT175	Sâm Xuân Anh	15/10/1988	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.0	6.5	Đạt	
176	CNTT176	Nguyễn Thị Biên	10/06/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.2	7.5	Đạt	
177	CNTT177	Triệu Văn Bình	06/12/1995	Lạng Sơn	Nam	Dao	7.0	6.5	Đạt	
178	CNTT178	Hoàng Trọng Cảnh	18/11/1984	Cao Bằng	Nam	Nùng	7.2	7.0	Đạt	
179	CNTT179	Hoàng Thị Chung	12/11/1980	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.2	7.5	Đạt	
180	CNTT180	Nông Thị Hồng Chuyên	08/03/1982	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.0	6.5	Đạt	
181	CNTT181	Ngô Thị Diệp	07/10/1996	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.7	5.5	Đạt	
182	CNTT182	Nông Thùy Dung	22/08/1992	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.5	6.0	Đạt	
183	CNTT183	Hà Văn Dũng	20/10/1984	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.0	7.0	Đạt	
184	CNTT184	Bế Khánh Duy	16/10/1996	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.0	6.0	Đạt	
185	CNTT185	Nguyễn Thị Kim Duyên	27/11/1992	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.2	6.0	Đạt	
186	CNTT186	Lương Vĩnh Hải	04/12/1974	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.5	6.5	Đạt	
187	CNTT187	Nông Minh Hải	23/12/1988	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.0	5.5	Đạt	
188	CNTT188	Châu Thị Hạnh	05/02/1981	Tuyên Quang	Nữ	Tày	7.5	6.0	Đạt	
189	CNTT189	Triệu Thị Hảo	30/07/1990	Lạng Sơn	Nữ	Dao	7.7	6.5	Đạt	
190	CNTT190	Hoàng Thị Hằng	08/10/1980	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.0	7.0	Đạt	
191	CNTT191	Đinh Thị Hiền	30/09/1987	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.2	5.5	Đạt	
192	CNTT192	Đinh Thị Hiền	30/09/1987	Lạng Sơn	Nữ	Tày	-	-	-	Bỏ thi
193	CNTT193	Ngô Thị Thu Hiền	05/01/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	6.5	Đạt	
194	CNTT194	Nông Thị Hiền	24/02/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.0	6.5	Đạt	
195	CNTT195	Đinh Khắc Hiền	08/02/1979	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.5	6.0	Đạt	
196	CNTT196	Lô Minh Hiệp	17/08/1995	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.2	6.5	Đạt	
197	CNTT197	Lương Thị Bích Hoa	08/11/1995	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.5	7.5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
198	CNTT198	Nông Thị Hoàng	20/10/1978	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.2	6.5	Đạt	
199	CNTT199	Đường Đình Huân	28/07/1984	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.7	7.5	Đạt	
200	CNTT200	Lương Minh Huệ	08/10/1986	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.0	6.5	Đạt	
201	CNTT201	Đặng Văn Huyền	25/12/1981	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.2	7.0	Đạt	
202	CNTT202	Bế Thị Huyền	11/03/1994	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.7	5.5	Đạt	
203	CNTT203	Đinh Thu Huyền	07/04/1990	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.5	6.5	Đạt	
204	CNTT204	Triệu Thị Sen	21/01/1983	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6.5	6.0	Đạt	
205	CNTT205	Bế Thị Hương	24/05/1979	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.2	6.0	Đạt	
206	CNTT206	Lương Thu Hương	29/09/1992	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.5	6.0	Đạt	
207	CNTT207	Nguyễn Mai Hương	07/09/1992	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6.7	6.5	Đạt	
208	CNTT208	Nông Thị Lan Hương	23/10/1983	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.5	6.0	Đạt	
209	CNTT209	Phạm Thị Lan Hương	12/12/1980	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.2	6.5	Đạt	
210	CNTT210	Ma Thị Hường	17/12/1995	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.5	6.5	Đạt	
211	CNTT211	Đinh Thị Khiếu	12/12/1992	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.7	7.0	Đạt	
212	CNTT212	Vi Thị Kiều	29/06/1985	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.5	7.0	Đạt	
213	CNTT213	Huỳnh Ngọc Lan	15/10/1975	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7.2	8.0	Đạt	
214	CNTT214	Bế Thị Thanh Lê	26/05/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.0	8.0	Đạt	
215	CNTT215	Cung Thị Liên	12/02/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.0	6.5	Đạt	
216	CNTT216	Hoàng Bích Liên	20/01/1984	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.5	7.0	Đạt	
217	CNTT217	Nông Quang Linh	16/08/1995	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.0	8.0	Đạt	
218	CNTT218	Trương Thị Thùy Linh	22/06/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.5	6.5	Đạt	
219	CNTT219	Giang Thị Luyến	16/12/1995	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.7	7.0	Đạt	
220	CNTT220	Bế Thị Lư	31/10/1988	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.0	7.5	Đạt	
221	CNTT221	Lục Thị Tuyết Mai	15/10/1995	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.5	7.5	Đạt	
222	CNTT222	Nguyễn Thị Thanh Nga	14/06/1984	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7.0	6.5	Đạt	
223	CNTT223	Lương Thị Ngân	11/04/1981	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.0	7.5	Đạt	
224	CNTT224	Sầm Thị Ngân	16/11/1973	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.2	6.5	Đạt	
225	CNTT225	Đoàn Văn Nghị	10/10/1966	Lạng Sơn	Nam	Tày	-	-	-	Bỏ thi
226	CNTT226	Hoàng Thị Phương	09/11/1995	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.7	6.5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
227	CNTT227	Triệu Tiến	Quang	12/12/1975	Lạng Sơn	Nam	Dao	7.0	8.0	Đạt	
228	CNTT228	Hoàng Thị	Quyên	27/10/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.2	7.5	Đạt	
229	CNTT229	Triệu Văn	Say	09/05/1983	Lạng Sơn	Nam	Dao	7.0	8.0	Đạt	
230	CNTT230	Triệu Thị	Sinh	24/04/1984	Cao Bằng	Nữ	Dao	7.5	7.5	Đạt	
231	CNTT231	Long Thị	Sỹ	16/08/1990	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.0	6.5	Đạt	
232	CNTT232	Bế Đức	Thanh	11/07/1980	Lạng Sơn	Nam	Tày	8.2	7.0	Đạt	
233	CNTT233	Bế Bích	Thảo	06/02/1975	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.5	6.5	Đạt	
234	CNTT234	Lương Thị	Thâm	03/01/1986	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.5	6.5	Đạt	
235	CNTT235	Triệu Thị	Thom	25/04/1990	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6.7	8.0	Đạt	
236	CNTT236	Hà Thị	Thu	05/09/1992	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.2	8.0	Đạt	
237	CNTT237	Triệu Thị	Nga	10/12/1985	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.0	6.5	Đạt	
238	CNTT238	Trịnh Thị Ngọc	Thúy	08/04/1996	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7.0	7.0	Đạt	
239	CNTT239	Nông Thị	Thúy	24/08/1979	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.2	7.0	Đạt	
240	CNTT240	Hoàng Thị	Thùy	01/11/1986	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.7	7.5	Đạt	
241	CNTT241	Hoàng Thị	Tới	03/05/1985	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.7	6.5	Đạt	
242	CNTT242	Lý Thị	Tới	11/04/1969	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.2	7.5	Đạt	
243	CNTT243	Nông Văn	Tới	12/11/1988	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.5	7.5	Đạt	
244	CNTT244	Lương Thị Ngọc	Trâm	13/11/1993	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.5	6.5	Đạt	
245	CNTT245	Ma Kiều	Trinh	16/06/1994	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.5	6.5	Đạt	
246	CNTT246	Chu Văn	Trung	11/03/1990	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.5	7.0	Đạt	
247	CNTT247	Trần Văn	Trường	12/11/1985	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.7	7.5	Đạt	
248	CNTT248	Đàm Văn	Út	01/06/1984	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.0	7.5	Đạt	
249	CNTT249	Nông Thị	Út	23/02/1992	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.5	7.5	Đạt	
250	CNTT250	Lương Bích	Uyên	30/10/1995	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.5	8.0	Đạt	
251	CNTT251	Hoàng Thị Hồng	Gấm	29/12/1982	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.2	7.0	Đạt	
252	CNTT252	Nông Thị	Xanh	16/02/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.7	6.5	Đạt	
253	CNTT253	Nông Thị	Na	18/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5.5	5.0	Đạt	
254	CNTT254	Ma Văn	Nghị	01/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.5	5.5	Đạt	
255	CNTT255	Đàm Thị	Ngọc	30/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5.0	5.5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
256	CNTT256	Nông Minh Nhật	15/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.0	6.0	Đạt	
257	CNTT257	Hoàng Thị Hồng Nhung	23/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5.7	5.5	Đạt	
258	CNTT258	Hoàng Thị Phương Oanh	25/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.0	5.5	Đạt	
259	CNTT259	Nguyễn Khắc Phú	11/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.2	6.0	Đạt	
260	CNTT260	Nguyễn Văn Phú	04/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5.0	5.5	Đạt	
261	CNTT261	Nông Trung Phước	14/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	6.0	Đạt	
262	CNTT262	Bê Minh Quang	24/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.7	5.5	Đạt	
263	CNTT263	Nông Văn Quang	25/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.0	6.0	Đạt	
264	CNTT264	Dương Đình Quảng	14/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.7	5.5	Đạt	
265	CNTT265	Hoàng Hồng Quân	23/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.0	5.5	Đạt	
266	CNTT266	Triệu Minh Quân	26/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Hoa	5.2	6.0	Đạt	
267	CNTT267	Đinh Hàn Quốc	16/02/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.2	6.5	Đạt	
268	CNTT268	Nông Văn Quốc	10/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	6.0	Đạt	
269	CNTT269	Ma Văn Quý	14/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.7	6.5	Đạt	
270	CNTT270	Nông Văn Quý	14/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.0	5.0	Đạt	
271	CNTT271	Lý Văn Quyên	13/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	5.0	Đạt	
272	CNTT272	Lý Đức Quyên	13/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.2	5.0	Đạt	
273	CNTT273	Trần Văn Sơn	03/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.5	6.0	Đạt	
274	CNTT274	Nguyễn Công Thành	20/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.7	5.5	Đạt	
275	CNTT275	Nông Trung Thành	14/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	6.0	Đạt	
276	CNTT276	Đặng Quang Thắng	02/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	5.0	Đạt	
277	CNTT277	Đinh Chiến Thắng	04/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.7	5.0	Đạt	
278	CNTT278	Nông Đức Thắng	01/12/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.5	5.5	Đạt	
279	CNTT279	Chu Văn Thế	29/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.0	5.5	Đạt	
280	CNTT280	Dương Ánh Thi	28/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Dao	5.2	5.0	Đạt	
281	CNTT281	Lục Thanh Thiện	30/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.2	5.0	Đạt	
282	CNTT282	Hà Văn Thịnh	21/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.5	5.5	Đạt	
283	CNTT283	Hoàng Sĩ Thọ	06/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.0	6.0	Đạt	
284	CNTT284	Nguyễn Hữu Thọ	31/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.7	5.5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
285	CNTT285	Triệu Văn	Thọ	15/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	5.2	5.5	Đạt	
286	CNTT286	Lương Văn	Thoại	06/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	5.5	Đạt	
287	CNTT287	La Thị	Thơ	27/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5.2	5.0	Đạt	
288	CNTT288	Lương Văn	Thụ	16/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	6.0	Đạt	
289	CNTT289	La Văn	Thuận	29/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	5.5	Đạt	
290	CNTT290	Lý Minh	Thuận	19/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.2	5.5	Đạt	
291	CNTT291	Nông Văn	Thuận	26/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.5	5.0	Đạt	
292	CNTT292	Lăng Hải	Yến	28/04/1993	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.7	5.5	Đạt	
293	CNTT293	Lương Thị	Thúy	10/08/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5.0	5.5	Đạt	
294	CNTT294	Hoàng Ánh	Thương	12/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5.2	6.5	Đạt	
295	CNTT295	Giáp Trung	Tiến	26/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.0	6.0	Đạt	
296	CNTT296	Trần Văn	Tiến	20/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	5.5	Đạt	
297	CNTT297	Triệu Minh	Tiến	16/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Dao	5.5	6.0	Đạt	
298	CNTT298	Sầm Quốc	Toản	01/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	6.0	Đạt	
299	CNTT299	Hoàng Thanh	Trang	03/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5.5	5.0	Đạt	
300	CNTT300	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	01/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.0	5.0	Đạt	
301	CNTT301	Lương Quang	Trung	21/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.7	5.0	Đạt	
302	CNTT302	Bế Minh	Trường	20/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.0	5.0	Đạt	
303	CNTT303	Nguyễn Xuân	Trường	21/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.0	5.5	Đạt	
304	CNTT304	Hoàng Anh	Tú	01/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	6.0	Đạt	
305	CNTT305	Nông Mạnh	Tú	15/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.2	6.5	Đạt	
306	CNTT306	Nông Tuấn	Tú	23/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.2	5.0	Đạt	
307	CNTT307	Tô Văn	Tú	07/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.2	5.5	Đạt	
308	CNTT308	Bế Ngọc	Tuân	03/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.2	5.0	Đạt	
309	CNTT309	Lục Văn	Tuân	12/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	5.5	Đạt	
310	CNTT310	Lý Văn	Tuân	09/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	5.5	Đạt	
311	CNTT311	Trần Anh	Tuân	04/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.2	5.5	Đạt	
312	CNTT312	Trần Ngọc	Tuân	30/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	5.5	Đạt	
313	CNTT313	Long Thanh	Tùng	24/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	5.0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
314	CNTT314	Phan Thanh	Tùng	06/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.5	5.5	Đạt	
315	CNTT315	Mã Văn	Tuyên	24/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	6.5	Đạt	
316	CNTT316	Đình Văn	Tư	07/12/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.2	5.0	Đạt	
317	CNTT317	Hoàng Minh	Tường	19/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	5.0	Đạt	
318	CNTT318	La Thanh	Tường	14/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	6.0	Đạt	
319	CNTT319	Lâm Chí	Tường	26/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.7	5.0	Đạt	
320	CNTT320	Nguyễn Mạnh	Tường	26/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.0	5.5	Đạt	
321	CNTT321	Hoàng Quốc	Uy	08/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.2	5.5	Đạt	
322	CNTT322	Đàm Khánh	Vân	08/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5.5	5.0	Đạt	
323	CNTT323	Giang Kiều	Vân	05/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5.5	5.5	Đạt	
324	CNTT324	Lục Tương	Viên	02/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5.2	6.0	Đạt	
325	CNTT325	Hoàng Quốc	Việt	18/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.0	5.0	Đạt	
326	CNTT326	Lục Đức	Việt	31/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.2	5.0	Đạt	
327	CNTT327	Lý Cung	Vinh	01/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	5.5	Đạt	
328	CNTT328	Bê Lâm	Vũ	26/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.2	6.0	Đạt	
329	CNTT329	Đình Long	Vũ	15/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.7	5.5	Đạt	
330	CNTT330	Đoàn Xuân	Vũ	04/09/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.2	5.5	Đạt	
331	CNTT331	Nguyễn Bền	Vững	11/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.5	5.5	Đạt	
332	CNTT332	Nông Thị Hải	Yến	09/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5.5	5.0	Đạt	
333	CNTT333	Vi Văn	An	22/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.2	5.0	Đạt	
334	CNTT334	Vy Thành	An	30/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.5	5.0	Đạt	
335	CNTT335	Lương Việt	Anh	21/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	5.5	Đạt	
336	CNTT336	Lý Quốc	Anh	14/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	6.0	Đạt	
337	CNTT337	Nguyễn Phương	Anh	28/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5.2	6.0	Đạt	
338	CNTT338	Phạm Thị Vân	Anh	22/08/1992	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.7	5.5	Đạt	
339	CNTT339	Lành Ngọc	Ánh	26/10/2002	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5.7	5.0	Đạt	
340	CNTT340	Nguyễn Cao	Bằng	05/08/2002	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5.7	5.5	Đạt	
341	CNTT341	Hoàng Thị	Bé	06/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5.2	6.0	Đạt	
342	CNTT342	Hoàng Minh	Chiến	30/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.7	6.5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
343	CNTT343	Đinh Thị Kim	Cúc	02/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5.2	5.0	Đạt	
344	CNTT344	Hoàng Quốc	Cường	14/08/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	6.0	Đạt	
345	CNTT345	Lộc Thanh	Dũng	27/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	5.0	Đạt	
346	CNTT346	Phạm Anh	Dũng	05/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5.7	6.0	Đạt	
347	CNTT347	Hoàng Quốc	Đạt	28/07/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	-	-	-	Bỏ thi
348	CNTT348	Hoàng Tiến	Đạt	27/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.2	5.0	Đạt	
349	CNTT349	Phạm Quang	Đạt	17/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5.7	5.5	Đạt	
350	CNTT350	Trần Tiến	Đạt	31/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5.5	6.0	Đạt	
351	CNTT351	Hoàng Trí	Đồng	05/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.5	6.0	Đạt	
352	CNTT352	Huỳnh Hoàng	Giang	04/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.7	6.5	Đạt	
353	CNTT353	Hoàng Thị Nguyệt	Hà	01/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5.2	6.5	Đạt	
354	CNTT354	Tô Văn	Hùng	20/12/1972	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.5	8.0	Đạt	
355	CNTT355	Bế Văn	Kiên	20/08/1979	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.5	7.5	Đạt	
356	CNTT356	Quản Văn	Thiệt	01/07/1986	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7.2	7.0	Đạt	
357	CNTT357	Trần Đức	Thịnh	17/09/1987	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.0	8.0	Đạt	
358	CNTT358	Trần Thị	Thuyết	10/10/1975	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.5	7.0	Đạt	
359	CNTT359	Bế Thị	Văn	05/05/1978	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.5	7.5	Đạt	
360	CNTT360	Nguyễn Thị	Xuyến	02/01/1987	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.7	7.0	Đạt	
361	CNTT361	Nguyễn Thu	Hà	14/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.0	5.0	Đạt	
362	CNTT362	Phạm Thị Thu	Hà	20/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5.5	5.0	Đạt	
363	CNTT363	Nguyễn Đình	Hậu	06/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.5	5.0	Đạt	
364	CNTT364	Lê Thị	Hiên	24/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.0	5.5	Đạt	
365	CNTT365	Hoàng Văn	Hiên	06/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.2	5.0	Đạt	
366	CNTT366	Đỗ Đức	Hiệp	19/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5.5	5.0	Đạt	
367	CNTT367	Hà Văn	Hiệp	26/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	5.5	Đạt	
368	CNTT368	Nông Mạnh	Hiệp	02/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.0	5.5	Đạt	
369	CNTT369	Hoàng Minh	Hiệu	20/06/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	5.0	Đạt	
370	CNTT370	Hoàng Anh	Hiệu	04/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.5	5.5	Đạt	
371	CNTT371	Đỗ Quỳnh	Hoa	15/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5.7	5.0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
372	CNTT372	Nguyễn Thị Hoa	06/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.0	5.0	Đạt	
373	CNTT373	Chung Thế Hoàng	27/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Hoa	5.5	5.5	Đạt	
374	CNTT374	Lương Minh Hoàng	30/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.7	5.5	Đạt	
375	CNTT375	Tô Minh Hoàng	26/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	5.0	Đạt	
376	CNTT376	Hoàng Thị Huệ	09/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.0	5.5	Đạt	
377	CNTT377	Hoàng Phi Hùng	28/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.0	5.0	Đạt	
378	CNTT378	Vũ Mạnh Hùng	09/01/2003	Hải Dương	Nam	Kinh	5.2	5.0	Đạt	
379	CNTT379	Nông Quang Huy	25/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.0	5.0	Đạt	
380	CNTT380	Hoàng Thị Thanh Hương	29/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.0	5.0	Đạt	
381	CNTT381	Nguyễn Mai Hương	26/11/2002	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6.0	5.5	Đạt	
382	CNTT382	Phùng Tuấn Khải	23/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	5.0	Đạt	
383	CNTT383	Hoàng Trung Kiên	22/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	5.0	Đạt	
384	CNTT384	Dương Thị Hoàng Lan	23/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5.7	5.0	Đạt	
385	CNTT385	Dương Hữu Phúc Lâm	03/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.5	6.0	Đạt	
386	CNTT386	Lương Thị Khánh Linh	23/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5.2	6.0	Đạt	
387	CNTT387	Hà Văn Lợi	19/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	5.5	Đạt	
388	CNTT388	Hoàng Văn Lợi	23/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	6.0	Đạt	
389	CNTT389	Đào Trung Mạnh	12/02/2002	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5.7	5.5	Đạt	
390	CNTT390	Vi Văn Mạnh	12/08/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.2	5.5	Đạt	
391	CNTT391	Lăng Chí Minh	18/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	5.5	Đạt	
392	CNTT392	Vi Nguyễn Hoàng Minh	03/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.7	5.5	Đạt	
393	CNTT393	Đặng Vũ Nam	08/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	5.5	Đạt	
394	CNTT394	Tô Nhật Nam	11/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	5.5	Đạt	
395	CNTT395	Nông Thị Nga	30/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5.5	5.5	Đạt	
396	CNTT396	Dư Minh Nghĩa	06/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5.7	5.0	Đạt	
397	CNTT397	Đoàn Hoàng Minh Ngọc	02/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5.2	5.5	Đạt	
398	CNTT398	Lê Khôi Nguyên	15/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.5	6.0	Đạt	
399	CNTT399	Nguyễn Trung Nguyên	04/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5.7	5.5	Đạt	
400	CNTT400	Hoàng Duy Nguyệt	07/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.7	5.0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
401	CNTT401	Lưu Văn	Nhất	29/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.0	5.5	Đạt	
402	CNTT402	Hà Ngọc	Nương	01/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5.5	5.5	Đạt	
403	CNTT403	Lê Xuân	Phong	24/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.5	5.5	Đạt	
404	CNTT404	Chu Văn	Phú	10/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.7	6.0	Đạt	
405	CNTT405	Hoàng Văn	Phú	28/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.2	5.5	Đạt	
406	CNTT406	Nguyễn Thu	Phương	26/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5.5	5.5	Đạt	
407	CNTT407	Hoàng Vinh	Quang	26/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.5	5.5	Đạt	
408	CNTT408	Hoàng Văn	Quốc	14/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	5.5	Đạt	
409	CNTT409	Hoàng Văn	Quý	23/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	5.5	Đạt	
410	CNTT410	Hoàng Văn	Quý	28/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.2	6.0	Đạt	
411	CNTT411	Mông Đức	Quý	05/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	5.5	Đạt	
412	CNTT412	Hà Văn	Quyển	28/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	5.5	Đạt	
413	CNTT413	Hoàng Thị	Quỳnh	16/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.0	5.5	Đạt	
414	CNTT414	Trần Thanh	Tâm	19/05/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5.2	5.0	Đạt	
415	CNTT415	Hoàng Thu	Thảo	20/05/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5.0	5.5	Đạt	
416	CNTT416	Lê Văn	Thắng	24/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5.7	5.0	Đạt	
417	CNTT417	Vương Văn	Thắng	19/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	5.5	Đạt	
418	CNTT418	Vi Văn	Thế	30/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	5.5	Đạt	
419	CNTT419	Chu Thị	Thêm	22/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5.5	5.5	Đạt	
420	CNTT420	Hà Trung	Tiến	26/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.0	5.5	Đạt	
421	CNTT421	Lê Mạnh	Tiến	19/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.0	5.5	Đạt	
422	CNTT422	Ngô Đức	Toàn	13/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt	
423	CNTT423	Hoàng Thị Hoài	Trang	06/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5.5	5.5	Đạt	
424	CNTT424	Trần Huyền	Trang	29/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.7	5.5	Đạt	
425	CNTT425	Trần Thị	Trang	15/02/2003	Hải Dương	Nữ	Kinh	6.0	5.0	Đạt	
426	CNTT426	Trung Thị Huyền	Trang	03/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5.5	5.5	Đạt	
427	CNTT427	Vi Văn	Tú	06/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.0	5.0	Đạt	
428	CNTT428	Ngô Thanh	Tuấn	20/08/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	5.5	6.0	Đạt	
429	CNTT429	Phùng Minh	Tuấn	01/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	5.5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
430	CNTT430	Lộc Thanh	Tùng	03/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	5.0	Đạt	
431	CNTT431	Vi Văn	Tùng	30/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.2	5.5	Đạt	
432	CNTT432	Lý Quốc	Việt	22/09/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	5.5	Đạt	
433	CNTT433	Hoàng Văn	Vinh	02/06/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	5.5	Đạt	
434	CNTT434	Cam Văn	Vũ	28/05/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.2	5.5	Đạt	
435	CNTT435	Hứa Hoàng	Vũ	07/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	6.0	Đạt	
436	CNTT436	Lâm Quốc	Vũ	28/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.2	5.5	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 436

Số thí sinh bỏ thi: 12

Số thí sinh dự thi: 424

Số thí sinh đạt yêu cầu: 424

Số thí sinh không đạt yêu cầu: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

ThS. Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 25 tháng 6 năm 2020

THỦ KÝ HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Quang